

ỦY BAN NHÂN DÂN
xã tân hương

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa việt nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THEO NỘI DUNG KINH TẾ NĂM 2011

Đơn vị tính: 1.000Đồng

Nội dung	Dự Toán 2010	Ước thực hiện 2010	Dự Toán
A. TỔNG CHI NSX (I+ II +III)		1,861,299	1,483,830
I. Chi đầu tư phát triển			0
1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản			
- GTNT			
- Trường Học			
- Trạm Y Tế			
- Trụ sở làm việc UBND xã			
- Nghĩa trang Liệt sỹ			
2. Chi đầu tư phát triển khác			
II. Chi thường xuyên		1,861,299	1,483,830
1. Chi công tác dân quân tự vệ , an ninh trật tự		175,382	173,000
- Chi dân quân tự vệ		98,586	90,000
- Chi an ninh trật tự		76,796	83,000
2. Chi sự nghiệp giáo dục			5,000
3. Chi sự nghiệp y tế		10,000	5,000
4. Chi sự nghiệp văn hoá thông tin		10,000	5,000
5. Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình			10,000
6.. Chi sự nghiệp thể dục thể thao		10,000	5,000
7. Chi sự nghiệp kinh tế		35,000	20,000
SN giao thông		20,000	10,000
SN nông - lâm - thuỷ lợi - hải sản		15,000	10,000
SN thị chính			
Thương mại dịch vụ			
Các sự nghiệp khác			
8. Sự nghiệp xã hội	0	224,000	194,000
Hưu xã và trợ cấp khác		139,000	145,000
Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa			3,000
Khác		85,000	46,000
9. Chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể		1,396,917	1,066,830
Trong đó : Quỹ lương		850,000	1,000,000
9.1. Quản lý nhà nước		912,706	581,830
9.2. Đảng cộng sản Việt nam		258,611	240,500
9.3. Mặt trận tổ quốc Việt nam		43,100	55,000
9.4. Đoàn thanh niên CSHCM		53,285	56,000
9.5. Hội phụ nữ Việt nam		46,285	47,500
9.6. Hội cựu chiến binh Việt nam		43,645	38,500
9.7. Hội nông dân Việt nam		39,285	47,500
10. Chi khác			
III. Dự phòng			

Tân Hương, ngày 05 tháng 12 năm 2010

Kế toán NSX

Chủ tịch UBND xã

dự TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH xã tân Hương năm 2009

ĐVT: triệu đồng

PHẦN THU			PHẦN CHI		
STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
A	TỔNG THU	1,025.3		TỔNG CHI	1,024.9
I	Các khoản do xã thu	159.6	A	Chi xây dựng cơ bản	
2	Thu từ quỹ đất công ích và HLCS	150.0	B	Chi thường xuyên	1,024.9
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		I	Mức chi TX năm 2008	1,004.5
4	Thu khác	9.6	1	Số dự toán giao đầu năm	899.0
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	167.4	2	Tiền lương tăng thêm theoNĐ118,119/CP	105.5
1	Phí và lệ phí	17.6	II	Các khoản tăng năm 2009	94.4
2	Thuế CQSD đất		1	Hoạt động của HĐND theo NQ94	41.7
3	Thuế nhà đất	52.0	2	Hỗ trợ quỹ ANQP	5,7
4	Thuế môn bài	33.0	3	Phụ cấp cấp uỷ theo QĐ 169	19.7
5	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		4	Các Khoản khác	33.0
6	Lệ phí trước bạ nhà đất		III	Các khoản giảm năm 2009	122.3
7	Thuế thu nhập cá nhân		1	Nhiệm vụ chi TX trạm y tế	19.0
8	Thuế VAT + TNDN	64.8	2	Hỗ trợ TX, BHXH, BHYT GVMN ngoài BC	86.8
9	Thu khác về thuế	-	3	Đại Hội MTTQ xã	3.0
B	Các khoản thu không cân đối		4	Các khoản khác	13.5
	Thu cấp quyền SD đất		IV	Chi dự phòng	48.3
	Thu thuế các hộ sử dụng hoá đơn				
C	Thu bổ sung từ NS cấp trên	698.3			
	Bổ sung cân đối NS	650.0			
	Kinh phí dự phòng	48.3			

(0.40)

(0)

567100

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THEO NỘI DUNG KINH TẾ NĂM 2011

Đơn vị tính: 1.000Đồng

Nội dung	Dự Toán
A. TỔNG CHI NSX (I+ II +III)	1,483,830
I. Chi đầu tư phát triển	0
1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản	
- GTNT	
- Trường Học	
- Trạm Y Tế	
- Trụ sở làm việc UBND xã	
- Nghĩa trang Liệt sỹ	
2. Chi đầu tư phát triển khác	
II. Chi thường xuyên	1,483,830
1. Chi công tác dân quân tự vệ , an ninh trật tự	173,000
- Chi dân quân tự vệ	90,000
- Chi an ninh trật tự	83,000
2. Chi sự nghiệp giáo dục	5,000
3. Chi sự nghiệp y tế	5,000
4. Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	5,000
5. Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	10,000
6. Chi sự nghiệp thể dục thể thao	5,000
7. Chi sự nghiệp kinh tế	20,000
SN giao thông	10,000
SN nông - lâm - thủy lợi - hải sản	10,000
SN thị chính	
Thương mại dịch vụ	
Các sự nghiệp khác	
8. Sự nghiệp xã hội	194,000
Hưu xã và trợ cấp khác	145,000
Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa	3,000
Khác	46,000
9. Chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	1,066,830
<i>Trong đó : Quỹ lương</i>	<i>1,000,000</i>
9.1. Quản lý nhà nước	581,830
9.2. Đảng cộng sản Việt nam	240,500
9.3. Mặt trận tổ quốc Việt nam	55,000
9.4. Đoàn thanh niên CSHCM	56,000
9.5. Hội phụ nữ Việt nam	47,500
9.6. Hội cựu chiến binh Việt nam	38,500
9.7. Hội nông dân Việt nam	47,500
10. Chi khác	
III. Dự phòng	

1,483,830

-

Kế toán NSX

Tân Hương, ngày 05 tháng 12 năm 2010

Chủ tịch UBND xã

Nguyễn Văn Việt

Bùi Văn Đức

Nguyễn Văn Việt

Ủy ban nhân dân
Xã tân hương

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa việt nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2011

*** Cơ sở lập dự toán ngân sách năm 2011**

- Căn cứ luật tổ chức Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003

- Căn cứ luật ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002

- Căn cứ quyết định số: /QĐ - UBND ngày / /2010 của ủy ban nhân dân huyện Ninh Giang

"V/v giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2011 cho xã Tân Hương".

- Căn Cứ nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương năm 2011; Đảng bộ và nhân dân trong xã tập trung huy động các nguồn vốn để thực hiện có hiệu quả các trương trình có mục tiêu đã đề ra có biện pháp cụ thể, chi tiết để khai thác nguồn thu, thu đúng thu đủ ngay từ những ngày đầu năm, sử lý tốt các hoạt động kinh tế tài chính phát sinh trên địa bàn theo chế độ chính sách hiện hành.

UBND xã lập dự toán ngân sách xã và phương án phân bổ ngân sách trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thảo luận và quyết định.

I. PHẦN DỰ TOÁN THU:

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	Ghi chú
	TỔNG THU NGÂN SÁCH XÃ	11,125,200,000	
I	Các khoản thu 100%	2,850,000,000	-
2	Phí, lệ phí (cả phí bến bãi 25tr + Cthực, khác 5 tr)	30,000,000	
3	Thu từ quỹ công ích và hoa lợi công sản.	305,000,000	
7	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước	2,500,000,000	
8	Thu khác (thu phạt□)	15,000,000	
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm	7,275,200,000	
1	Thuế nhà đất	67,000,000	
2	Thuế môn bài	55,000,000	
3	Lệ phí trước bạ nhà, đất	56,200,000	
4	Tiền cấp quyền sử dụng đất	7,000,000,000	
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế VAT	97,000,000	
III	Thu bổ sung ngân sách từ cấp trên	1,000,000,000	
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	1,000,000,000	
2	Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên		

II. PHÂN DỰ TOÁN CHI :

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	11,125,200,000	
I	Chi đầu tư phát triển	9,120,000,000	
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	8,500,000,000	
2	Chi đầu tư phát triển khác	620,000,000	
II	Chi thường xuyên	1,996,200,000	
1	Chi dân quân tự vệ (QS)	90,000,000	
	- Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ	75,000,000	Trqs 35-Dqtv 40tr
	- Hoạt động	15,000,000	
2	Chi an ninh trật tự (LLCA)	83,000,000	
	- Lương,PC, BHXH, BHYT, KPCĐ	73,000,000	Tr ca33 Pca -cav 40tr
	- Hoạt động	10,000,000	
3	Chi sự nghiệp giáo dục	10,000,000	
4	Chi sự nghiệp y tế	10,000,000	
5	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	10,000,000	
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	10,000,000	
7	Chi sự nghiệp kinh tế	20,000,000	
	SN giao thông	10,000,000	
	SN nông - lâm - thuỷ lợi - hải sản - thú y	10,000,000	
	Thương mại dịch vụ		
	Các sự nghiệp khác		
8	Sự nghiệp xã hội	194,000,000	
	- PC cán bộ Hưu xã và trợ cấp khác	145,000,000	PC 140- Bh yt 5tr
	- Hỗ trợ KK (trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa)	3,000,000	
	- Khác (Các đoàn thể XH khác)	46,000,000	
	+Chi hoạt động, quà tết đối tượng chính sách người có công , ngày 27/7	20,000,000	
	+ Hội người cao tuổi đại hội 6, chúc thọ, mừng thọ, HĐ6tr	12,000,000	
	+ Công tác bảo trợ xh	3,000,000	
	+ Công đoàn xã hoạt động	8,000,000	
	+ Hoạt động các tổ chức xh khác	3,000,000	
9	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	1,569,200,000	
a,	Quản lý nhà nước	1,084,700,000	
1	Ủy ban nhân dân	883,700,000	
	- Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ	310,000,000	L 205tr pc15tr -Tr thôn 35 pthon 12 -cbkcc,hđ 43tr
	- Hoạt động quản lý nhà nước	60,200,000	
	- Sách, Báo, tạp chí tuyên truyền	32,000,000	
	- Văn phòng phẩm, công tác văn phòng	20,000,000	
	- Điện thoại, tiền sử dụng điện	8,000,000	

	- Các hội nghị	15,000,000	
	- Sửa chữa thiết bị, mua sắm tài sản	30,000,000	
	- Công tác phí	15,000,000	
	- Đào tạo cán bộ (Hỗ trợ CB đi học)	10,000,000	
	- Hỗ trợ thôn hoạt động	3,500,000	
	- Chi quy hoạch, giải phóng mặt bằng (Trích từ nguồn thu cấp quyền SDĐ)	380,000,000	
2	Hoạt động Hội đồng nhân dân	201,000,000	
	- Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ	132,000,000	CT- pct 61 đbhđ63pc8tr
	- Hoạt động 2kỳ họp 20tr, HĐtổng kết, phiên họp đầu nhiệm kỳ10tr, Bầu cử HĐND 15tr)	45,000,000	
	- Trang phục Đại biểu HĐND xã	24,000,000	
b, Đảng, đoàn thể		484,500,000	
1	Công tác đảng	240,500,000	
	- Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ	170,000,000	pc ưu29 nệ 52 tu 42 bi cơ, vp- tg60 + P c7tr
	-Hoạt động (HĐ5tr Biên tậpLSD 45tr,ĐHchi bộ 8,5tr, ngày TLĐ8)	66,500,000	
	- Trang phục ĐUV	4,000,000	
3	Mặt trận tổ quốc Việt nam	54,000,000	
	- Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ	42,000,000	CT 30tr- PC 4tr -2pct 8tr
	- Hoạt động, sơ tổng kết 3 tr,TD ĐK=9tr	12,000,000	
4	Đoàn thanh niên CSHCM	56,500,000	
	- Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ	28,000,000	Bt 21-pc 4tr-pbt 3tr]
	- Hoạt động, sơ tổng kết 2 tr, HĐhè =10tr, 7chi đoàn 10,5tr, ĐH6tr	28,500,000	
5	Hội phụ nữ Việt nam	47,500,000	
	- Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ	29,000,000	Ct 22tr pc4tr pct 3tr
	- Hoạt động, sơ tổng kết 2 tr, 7chi hội10,5 tr, ĐH 6tr	18,500,000	
6	Hội cựu chiến binh Việt nam	38,500,000	
	- Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ	26,000,000	ct 19pc4- pct3tr
	- Hoạt động, sơ tổng kết 2tr, 7chi hội 10,5 tr	12,500,000	
7	Hội nông dân Việt nam	47,500,000	
	- Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ	35,000,000	Ct28tr pc4 pct 3tr
	- Hoạt động, sơ tổng kết 2tr, 7chi hoi 10,5 tr	12,500,000	
III	Dự phòng	9,000,000	

- Trên đây Ủy ban nhân dân xã lập dự toán thu chi ngân sách năm 2011, phương án phân bổ ngân sách trình tại kỳ họp thứ 17 Hội đồng nhân dân xã khóa XX thảo luận và quyết định.

Tân Hương, ngày tháng 12 năm 2010

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH

Bùi Văn Đức

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2012

*** Cơ sở lập dự toán ngân sách năm 2012**

- Căn cứ luật tổ chức Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003
- Căn cứ luật ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002
- Căn cứ quyết định số: /QĐ - UBND ngày /12 /2011 của ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Giang v/v giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2011 cho xã Tân Hương"

Căn cứ nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương năm 2012, Đảng bộ và nhân dân tương xứng tăng cường huy động các nguồn vốn để thực hiện có hiệu quả các chương trình có mục tiêu đã đề ra có biện pháp cụ thể, chi tiết để khai thác nguồn thu, thu nhập của xã lập dự toán ngân sách xã và phương án phân bổ ngân sách trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thảo luận và quyết định.

I. PHÂN DỰ TOÁN THU:

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
	TỔNG THU NGÂN SÁCH XÃ	11,551,330,000
I	Các khoản thu 100%	1,454,000,000
2	Phí, lệ phí (cả phí bến bãi 25tr + Cthực, khác 5 tr)	30,000,000
3	Thu từ quỹ công ích và hoa lợi công sản.	300,000,000
7	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước	1,106,000,000
8	Thu khác (thu phạt□)	18,000,000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm	8,270,200,000
1	Thuế nhà đất	67,000,000
2	Thuế môn bài	55,000,000
3	Lệ phí trước bạ nhà, đất	56,200,000
4	Tiền cấp quyền sử dụng đất	8,000,000,000
	- Tiền cấp quyền sử dụng đất (đã đấu thầu chưa phân bổ)	4,000,000,000
	- Tiền cấp quyền sử dụng đất (đấu thầu năm 2012)	4,000,000,000
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế VAT	92,000,000
III	Thu bổ sung ngân sách từ cấp trên	1,827,130,000
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	1,827,130,000
2	Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	

II. PHÂN DỰ TOÁN CHI :

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	11,551,330,000
I	Chi đầu tư phát triển	9,106,000,000
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	8,006,000,000
2	Chi đầu tư phát triển khác	1,100,000,000
	- Đền bù giải phóng mặt bằng để làm nghĩa địa, XD hố rác thải VSMT	600,000,000
	- Mua sắm trang thiết bị nội thất thiết bị văn phòng (trụ sở mới)	500,000,000
II	Chi thường xuyên	2,435,330,000
1	Chi dân quân tự vệ (QS)	175,620,000
	- Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ	140,620,000
	- Hoạt động	35,000,000

2	Chi an ninh trật tự (LLCA)	122,960,000
	- Lương,PC, BHXH, BHYT, KPCĐ	102,960,000
	- Hoạt động	20,000,000
3	Chi sự nghiệp giáo dục	10,000,000
4	Chi sự nghiệp y tế	10,000,000
5	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	20,000,000
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	10,000,000
7	Chi sự nghiệp kinh tế	35,000,000
	SN giao thông	15,000,000
	SN nông - lâm - thuỷ lợi - hải sản - thú y	20,000,000
8	Sự nghiệp xã hội	206,000,000
*	- PC cán bộ Hưu xã và trợ cấp khác	150,000,000
*	- Hỗ trợ KK (trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa)	3,000,000
*	- Khác (Các đoàn thể XH khác)	53,000,000
	Trong đó: +HĐ Quà tết đối tượng chính sách người có công , ngày 27/7	20,000,000
	+ Hội người cao tuổi , chúc thọ, mừng thọ, chăm sóc sức khỏe	12,000,000
	+ Công tác bảo trợ xh	3,000,000
	+ Công đoàn xã hoạt động	8,000,000
	+ Hoạt động các tổ chức xh khác (HCTĐ, TNSP.....)	10,000,000
10	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	1,845,750,000
a,	Quản lý nhà nước	1,192,750,000
1	Ủy ban nhân dân	1,101,750,000
	- Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ	500,000,000
	- Hoạt động quản lý nhà nước	56,250,000
	- Sách, Báo, tạp chí tuyên truyền	42,000,000
	- Công tác văn phòng, văn phòng phẩm, tiếp dân	40,000,000
	- Điện thoại, tiền sử dụng điện	15,000,000
	- Các hội nghị	35,000,000
	- Sửa chữa thiết bị, mua sắm tài sản	60,000,000
	- Công tác phí	30,000,000
	- Đào tạo cán bộ (Hỗ trợ CB đi học)	20,000,000
	- Hỗ trợ thôn hoạt động	3,500,000
	- Chi quy hoạch, giải phóng mặt bằng,	300,000,000
2	Hoạt động Hội đồng nhân dân	91,000,000
	- Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ	61,000,000
	- Hoạt động 2kỳ họp 25tr, HĐtổng kết5tr	30,000,000
b,	Đảng, đoàn thể	653,000,000
1	Công tác đảng	285,000,000
	- Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ	238,000,000
	-Hoạt động (Tập huấn ĐT CB, thăm viếng10tr,Tổng kết các ban 5tr, TK đảng bộ 10tr,ĐHchi bộ 20tr, ngày TLĐ 2tr)	47,000,000
3	Mặt trận tổ quốc Việt nam	82,000,000
	- Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ	49,000,000
	- Hoạt động họp thường kỳ 6tr, sơ tổng kết 2 tr,TD ĐK=25tr	33,000,000
4	Đoàn thanh niên CSHCM	80,500,000
	- Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ	35,000,000

	- Các hoạt động 3tr , sơ tổng kết 2 tr, HĐ hè = 15tr, 7chi đoàn 10,5tr, ĐH 15tr	45,500,000
5	Hội phụ nữ Việt nam	67,500,000
	- Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ	42,000,000
	- Các hoạt động 3tr , sơ tổng kết 2 tr, 7chi hội 10,5 tr, ĐH 15tr	25,500,000
6	Hội cựu chiến binh Việt nam	55,500,000
	- Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ	25,000,000
	- Các hoạt động 3tr, sơ tổng kết 2tr, 7chi hội 10,5 tr, ĐH 15tr	30,500,000
7	Hội nông dân Việt nam	82,500,000
	- Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ	46,000,000
	- Hoạt động 3tr, sơ tổng kết 2tr, 7chi hội 10,5 tr, ĐH 15tr, hội thi 6tr	36,500,000
III	Dự phòng	10,000,000

- Trên đây Ủy ban nhân dân xã lập dự toán thu chi ngân sách năm 2012, phương án phân bổ ngân sách trình tại kỳ họp thứ 3 Hội đồng nhân dân xã khóa XXI thảo luận và quyết định.

Tân Hương, ngày tháng 12 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Việt

Bùi Văn Đức

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2015

* Cơ sở lập dự toán ngân sách năm 2015

- Căn cứ luật tổ chức Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003
- Căn cứ luật ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002
- Căn cứ quyết định số. /QĐ - UBND ngày /12 /2014 của ủy ban nhân dân huyện Ninh Giang v/v giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2015 cho xã Tân Hương"

UBND xã lập dự toán ngân sách xã và phương án phân bổ ngân sách từ năm tại kỳ họp thứ 7 khóa XXI Hội đồng nhân dân xã cùng cấp như sau:

I. PHẦN DỰ TOÁN THU:

		DVT: đồng
STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
	TỔNG THU NGÂN SÁCH XÃ	9,216,930,000
I	Các khoản thu 100%	468,600,000
1	Phí, lệ phí (cả phí bến bãi, phí chợ , Cthực,)	130,000,000
2	Thu từ quỹ công ích và hoa lợi công sản. (90% x354tr)	318,600,000
3	Thu khác (thu phạt)	20,000,000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm	5,741,000,000
1	Thuế đất phi nông nghiệp	123,000,000
2	Thuế môn bài	68,000,000
3	Lệ phí trước bạ nhà, đất	50,000,000
4	Tiền cấp quyền sử dụng đất	5,500,000,000
III	Thu bổ sung ngân sách từ cấp trên	3,007,330,000
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	3,007,330,000
2	Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	

II. PHẦN DỰ TOÁN CHI :

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	9,216,930,000
I	Chi đầu tư phát triển	5,500,000,000
1	Chi đầu tư XD cơ bản	2,915,000,000
2	Chi đầu tư phát triển khác	2,585,000,000
	- Mua sắm trang thiết bị nội thất thiết bị văn phòng (trụ sở mới)	200,000,000
	- Chi quy hoạch	165,000,000
	- Chi chỉnh trang đồng ruộng	2,220,000,000

II	Chi thường xuyên	3,701,930,000
1	Chi dân quân tự vệ (QS)	302,281,000
	- Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ	257,281,000
	- Các hoạt động	45,000,000
2	Chi an ninh trật tự (LLCA)	230,217,000
	- Lương,PC, BHXH, BHYT, KPCĐ	195,217,000
	- Hoạt động 35tr	35,000,000
3	Chi sự nghiệp giáo dục	20,000,000
4	Chi sự nghiệp y tế	15,000,000
5	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	30,000,000
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	15,000,000
7	Chi sự nghiệp kinh tế	60,000,000
	- SN giao thông	35,000,000
	- SN nông - lâm - thuỷ lợi - hải sản - thú y	25,000,000
8	Sự nghiệp xã hội	263,000,000
*	- PC cán bộ Hưu xã và trợ cấp khác	172,000,000
*	- Hỗ trợ KK (trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa)	3,000,000
*	- Khác (Các đoàn thể XH khác)	88,000,000
	+Ngày27/7,quà tết đối tượng chính sách người có công	20,000,000
	+ Hội người cao tuổi , chúc thọ, mừng thọ, chăm sóc sức khỏe	10,000,000
	+ Công tác bảo trợ xh	3,000,000
	+ Công đoàn xã hoạt động	15,000,000
	+ Phụ cấp, hoạt động các tổ chức xh khác (HCTĐ, TNXP....)	40,000,000
9	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	2,766,432,000
a,	Quản lý nhà nước	1,713,532,000
1	Ủy ban nhân dân	1,553,532,000
	- Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ	1,015,602,000
	- Hoạt động quản lý nhà nước	176,530,000
	- Sách, Báo, tạp chí tuyên truyền	42,000,000
	- Công tác văn phòng, văn phòng phẩm, tiếp dân	40,000,000
	- Điện thoại, tiền sử dụng điện	22,400,000
	- Các hội nghị	50,000,000
STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
	- Nâng cấp sửa chữa tài sản, thiết bị, mua sắm tài sản	150,000,000
	- Công tác phí	30,000,000
	- Đào tạo cán bộ (Hỗ trợ CB đi học)	20,000,000
	- Hỗ trợ thôn hoạt động	7,000,000
2	Hoạt động Hội đồng nhân dân	160,000,000

	- Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ	114,000,000
	- Hoạt động 2 kỳ họp 30tr, Các hoạt động khác 16tr	46,000,000
b, Đảng, đoàn thể		1,052,900,000
1 Công tác đảng		521,500,000
	- Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ	406,500,000
	- Đại hội Đảng bộ 80; hoạt động báo tạp chí:15tr; các hoạt động sơ tổng kết, kiểm tra,hội họp, học tập NQ và khen thưởng 20tr	115,000,000
2 Mặt trận tổ quốc Việt nam		133,700,000
	- Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ	74,700,000
	- Các hoạt động thường kỳ 4,5tr; lấy phiếu tín nhiệm CT, PCT HĐND, UBND, các HĐ khác 6,5tr; sơ tổng kết 4 tr; TĐĐK30tr; Hoạt động ban thanh tra nhân dân 5tr, hỗ trợ giám sát cộng đồng4tr. Trực tiếp dân 5tr	59,000,000
3 Đoàn thanh niên CSHCM		100,300,000
	- Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ	58,300,000
	-Các hoạt động7tr , sơ tổng kết 3 tr, 7chi đoàn 14tr, HĐhè18tr,	42,000,000
4 Hội phụ nữ Việt nam		99,300,000
	- Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ	75,300,000
	- Các hoạt động7tr , sơ tổng kết 3 tr, 7chi hội 14 tr	24,000,000
5 Hội cựu chiến binh Việt nam		84,300,000
	- Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ	60,300,000
	- Các hoạt động7tr, sơ tổng kết 3tr, 7chi hội 14	24,000,000
6 Hội nông dân Việt nam		113,800,000
	- Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ	89,800,000
	- Hoạt động 7tr, sơ tổng kết 3tr, 7chi hội 14 tr,	24,000,000
III Dự phòng		15,000,000

- Trên đây Ủy ban nhân dân xã lập dự toán thu chi ngân sách xã năm 2015 và phương án phân bổ ngân sách trình tại kỳ họp thứ 9 Hội đồng nhân dân xã khóa XXI thảo luận và quyết định.

Tân Hương, ngày tháng 12 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

TM,ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Việt

Bùi Văn Đức

I. PHẦN DỰ TOÁN THU:

		ĐVT: đồng	
STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	
	TỔNG THU NGÂN SÁCH XÃ	7,006,123,000	- hics
I	Các khoản thu 100 %	351,000,000	
1	Thu từ quỹ công ích và hoa lợi công sản:	285,000,000	
2	Thu khác (thu phạt□)	66,000,000	
3	Thu chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm	1,723,000,000	
1	Phí, lệ phí	25,000,000	
2	Lệ phí môn bài từ cá nhân, hộ KD	45,000,000	
3	Thuế SD đất phi nông nghiệp	107,000,000	
4	Thuế TNCN từ hộ KD	276,000,000	
5	Thuế GTGT từ hộ KD	480,000,000	
6	Lệ phí trước bạ nhà, đất	40,000,000	
7	Tiền cấp quyền sử dụng đất	750,000,000	
III	Thu bổ sung ngân sách từ cấp trên	4,932,123,000	
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	4,842,523,000	
2	Dự phòng NSX	89,600,000	

II. PHẦN DỰ TOÁN CHI :

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	7,006,123,000	-
I	Chi đầu tư phát triển	750,000,000	Lương, PC, BHXH 4,304,486,000
1	Chi đầu tư XD cơ bản	750,000,000	HĐ 1,862,037,000.00
2	Chi đầu tư phát triển khác		
II	Chi thường xuyên	6,166,523,000	
1	Chi dân quân tự vệ (QS)	321,485,000	
	- Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ	171,485,000	
	- Các hoạt động (Trong đó ngày công huấn luyện 90 tr, Tuyển quân 15tr, HĐ 20tr, Diễn tập QPQS địa phương 25tr)	150,000,000	125
2	Chi an ninh trật tự (LLCA)	190,150,000	
	- Các hoạt động+ Phòng chống cháy nổ 15tr; KP xã an toàn, thôn an toàn 7tr; KP Hoạt động theo PL18tr, PC cho Đội trưởng, đội phó đội dân phòng theo NQ số 05 150tr,150nd)	190,150,000	

3	Chi sự nghiệp giáo dục	10,000,000	
4	Chi sự nghiệp y tế	10,000,000	
5	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin TDTT	40,000,000	
6	Chi sự nghiệp phát thanh	35,000,000	
7	Chi sự nghiệp kinh tế	85,000,000	
	- SN giao thông	30,000,000	
	- SN nông - lâm - thuỷ lợi - hải sản - thú y	25,000,000	
	- SN môi trường	30,000,000	
8	Sự nghiệp xã hội	561,744,000	
*	- PC cán bộ Hưu xã	382,560,000	
*	- Trợ cấp Khác	80,000,000	
*	- Khác (Các đoàn thể XH khác)	99,184,000	
	+ Ngày 27/7, thực hiện chính sách người có công, công tác nghĩa trang LS	30,000,000	
	+ Công đoàn xã hoạt động	20,000,000	
	+ Hội chữ thập đỏ (Các hoạt động 1tr)	1,000,000	
	+ Hội người cao tuổi (Các hoạt động 1tr, KP chúc thọ 11tr)	12,000,000	
	+ Hội khuyến học (Các hoạt động 1tr)	1,000,000	
	+ Hội thanh niên xung phong(PC 10tr.728;Hoạt động 1tr)	11,728,000	
	+ Hội người mù (PC 10tr.728;Hoạt động 1tr)	11,728,000	
	+ Hội nạn nhân chất độc DC(PC 10tr.728;Hoạt động 1tr)	11,728,000	
STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	
9	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	4,913,144,000	
a,	Quản lý nhà nước	3,409,805,000	
1	Ủy ban nhân dân	3,114,854,000	
	- Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ	2,437,351,000	2,252,617
	- Hoạt động quản lý nhà nước đảm bảo xã hội	100,000,000	1,065,843
	- Chi công tác thi đua khen thưởng	20,000,000	1,323,144
	- Kinh phí phần mềm + KP thực hiện đề án 06	18,000,000	2,388,987
	- Duy trì kinh phí ISO	12,000,000	
	- Sách, Báo, tạp chí tuyên truyền	20,000,000	
	- Công tác văn phòng, đồ dùng dụng cụ chuyên môn, vật tư văn phòng phẩm, tiếp dân.	58,903,000	

	- Điện thoại, tiền sử dụng điện, nước sinh hoạt, mua sắm nhỏ lẻ	120,000,000		
	- Các hội nghị	50,000,000		
	- Nâng cấp sửa chữa tài sản, thiết bị, mua sắm tài sản	60,000,000		
	- Công tác phí	76,800,000		
	- Đào tạo cán bộ (Hỗ trợ CB đi học)	10,000,000		
	- Hỗ trợ thôn hoạt động(2.000tr/ thôn)	22,000,000		
	- Hỗ trợ hoạt động khác	44,400,000		
	- Giảm trừ KP tiết kiệm theo KH để cải cách tiền lương	65,400,000		
	2 Hoạt động Hội đồng nhân dân	294,951,000		
	- Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ	234,951,000		
	- Hoạt động 2 kỳ họp HĐND xã, các hoạt động khác 60tr.	60,000,000		104,400
	b, Đảng, đoàn thể	1,503,339,000		
	1 Công tác đảng	604,366,000		
	- Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ	472,366,000		470,365
	- Hoạt động báo tạp chí; các hoạt động sơ tổng kết, kiểm tra, hội họp, tập huấn, học tập NQ và khen thưởng,các hoạt động khác 100tr, HĐ tổ dân vận 22tr)	132,000,000		
STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN		
	2 Mặt trận tổ quốc Việt nam	247,614,000		
	- Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ	113,614,000		
	- Các hoạt động thường xuyên, hoạt động giám sát phản biện XH, cuộc vận động của UBMTTQ xã 31tr; Khu dân cư 11 thôn = 55tr ; Ban công tác mặt trận 11 ban 38tr; Hoạt động ban thanh tra nhân dân hỗ trợ giám sát cộng đồng 10tr.	134,000,000		
	3 Đoàn thanh niên CSHCM	160,191,000		
	- Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ	82,191,000		
	-Các hoạt động+ sơ tổng kết, HĐ hè 40tr, 11chi đoàn 38tr,	78,000,000		
	4 Hội phụ nữ Việt nam	149,134,000		
	- Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ	103,134,000		
	- Các hoạt động + sơ tổng kết 8tr, 11chi hội 38 tr	46,000,000		
	5 Hội cựu chiến binh Việt nam	168,973,000		
	- Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ	122,973,000		125
	- Các hoạt động + sơ tổng kết 8tr, 11chi hội 38tr.KP	46,000,000		
	6 Hội nông dân Việt nam	173,061,000		

	- Lương, PC, BHXH, BHYT, KPCĐ	107,061,000	
	- Các Hoạt động + sơ tổng kết 8tr, 11chi hôi 38 tr. Đại Hội 20tr	66,000,000	
III	Dự phòng	89,600,000	